

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2020/HNGĐ-ST
Ngày 29-5-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Đình Cảnh

Bà Đặng Thị Đới

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Đào Quang Hợp - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 124/2020/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 3 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2020/QĐXX-ST ngày 06 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2020/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị L, sinh năm 1988; địa chỉ cư trú: Thôn 3, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng: Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đức H, sinh năm 1985; địa chỉ cư trú: Thôn 3, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng: Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 19/02/2020 và các bản tự khai ngày 10/3/2020, ngày 05/5/2020 chị L trình bày: Chị tự nguyện kết hôn với anh Nguyễn Đức H thời gian năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K. Nói chung vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 08 năm. Tuy nhiên trong quá trình sống chung mâu thuẫn phát sinh từ đầu năm 2019 do phong cách sống không còn phù hợp, vợ chồng nghi ngờ nhau sống không chung thủy nên thường xuyên xảy ra đánh

cãi nhau. Mặc dù chị và gia đình đã nhiều lần khuyên bảo để vợ chồng trở lại sống đoàn tụ nhưng không thành. Chị bỏ về mẹ đẻ ở từ tháng 5/2019 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài; chị xin ly hôn anh H.

Về con chung: Có 02 con là Nguyễn Đức Hải A, sinh ngày 17/7/2011 và Nguyễn Đức M, sinh ngày 31/8/2013; hiện đang do anh H nuôi dưỡng. Chị nhất trí để anh H tiếp tục nuôi dưỡng hai con đến khi đủ 18 tuổi; trên cơ sở nguyện vọng của cháu Hải A; vì anh H có đủ điều kiện đảm bảo để nuôi con tốt hơn chị. Chị có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng một cháu là 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng); hiện nay chị làm nghề công nhân, có thu nhập ổn định hàng tháng là 10.000.000 đồng.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Đức H trình bày tại các bản tự khai ngày 23/3/2020 và ngày 05/5/2020: Thống nhất với chị L về thời gian kết hôn, thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ đầu năm 2019 do phong cách sống không phù hợp, chị L không có trách nhiệm đến gia đình. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Chị L bỏ về mẹ đẻ ở từ tháng 5/2019 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài; anh đồng ý ly hôn chị L.

Về con chung: Có 02 con là Nguyễn Đức Hải A, sinh ngày 17/7/2011 và Nguyễn Đức M, sinh ngày 31/8/2013; hiện đang do anh nuôi dưỡng. Anh xin tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 con đến khi đủ 18 tuổi; trên cơ sở nguyện vọng của cháu Hải A. Anh yêu cầu chị L có nghĩa vụ cấp dưỡng cho 02 con một lần là 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng). Nếu chị L không đồng ý phương thức cấp dưỡng này thì anh để chị L nuôi dưỡng cả 02 con đến khi đủ 18 tuổi, anh nhận có nghĩa vụ cấp dưỡng cho 02 con một lần là 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng); hiện nay anh làm công nhân, có thu nhập ổn định hàng tháng là 10.000.000 đồng.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét công khai và kết quả tranh tụng tại phiên tòa xét thấy:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh H tự nguyện kết hôn năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 phát sinh mâu thuẫn do phong cách sống không còn phù hợp, nghi ngờ nhau sống không chung thủy, chị L chung sống với gia đình anh H không hòa thuận; vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Chị L bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 5/2019 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Nay chị L và anh H đều xin ly hôn là có cơ sở chấp nhận, nên xử cho chị L và anh H được ly hôn là phù hợp.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; đề nghị Hội đồng xét xử: Xử cho chị Bùi Thị L được ly hôn anh Nguyễn Đức H.

2. Về con chung: Anh chị có 02 con là Nguyễn Đức Hải A, sinh ngày 17/7/2011 và Nguyễn Đức M, sinh ngày 31/8/2013, hiện đang do anh H nuôi dưỡng. Nay tại phiên tòa, anh chị thỏa thuận thống nhất giao cháu Hải A và cháu M cho anh H nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, phù hợp với nguyện vọng của cháu Hải A được ở với anh H, cần chấp nhận. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh H và chị L thỏa thuận thống nhất: Chị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng cho một cháu là 2.000.000 đồng là phù hợp.

Căn cứ vào Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; đề nghị Hội đồng xét xử: Giao cháu Nguyễn Đức Hải A, sinh ngày 17/7/2011 và Nguyễn Đức M, sinh ngày 31/8/2013 cho anh H nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng cho một cháu là 2.000.000 đồng.

3. Về tài sản, công nợ: Đề không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị L tự nguyện kết hôn với anh H năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K. Đánh giá chung, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 08 năm. Song trong thời gian sống chung mâu thuẫn phát sinh từ đầu năm 2019 do phong cách sống không còn phù hợp, nghi ngờ nhau sống không chung thủy nên thường xảy ra cãi vã nhau. Mặc dù đã được gia đình, thôn xóm hòa giải nhiều lần để vợ chồng sống đoàn tụ nhưng không thành. Chị L bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 5/2019 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Nay cả hai anh chị đều xin ly hôn, được chấp nhận, nên xử cho chị L được ly hôn anh H là phù hợp.

[2] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Đức Hải A, sinh ngày 17/7/2011 và Nguyễn Đức M, sinh ngày 31/8/2013, hiện đang do anh H nuôi dưỡng. Nay tại phiên tòa, anh chị đều thỏa thuận thống nhất giao cháu Hải A và cháu M cho anh H nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, phù hợp với nguyện vọng của cháu Hải A được ở với anh H, cần chấp nhận. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh H và chị L thỏa thuận: Chị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng cho một cháu là 2.000.000 đồng là phù hợp, được chấp nhận.

[3] Về tài sản, công nợ: Đề không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và phải chịu án phí dân sự về việc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị L được ly hôn anh Nguyễn Đức H.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đức Hải A, sinh ngày 17/7/2011 và Nguyễn Đức M, sinh ngày 31/8/2013 cho anh H nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng một cháu là 2.000.000đ (hai triệu đồng), thời gian từ tháng 5 năm 2020 hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của anh H cho đến khi thi hành án xong khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì chị L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Chị L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự về việc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ, nH được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: AA.0012477 ngày 04 tháng 3 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Chị L còn phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thanh Huyền